

Bản án số: 52/2022/HNGĐ- ST

Ngày 16/8/2022

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thế Hậu

2. Bà Đinh Thị Thu Huyền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị O, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Hoàng Thị O trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Lục Nam ngày 22/12/1989, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay tại huyện Lục Nam. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc. Đến năm 1995, anh Giáp bỏ đi khỏi nhà nên chị đưa

con về quê ngoại ở thôn V, xã Q, huyện Yên Dũng để sinh sống. Năm 2005 anh G trở về với mẹ con chị nhưng anh G về được ít hôm thì anh G lại bỏ đi biệt tích. Ngày 11/6/2022, anh G trở về địa phương cùng mẹ con chị nhưng chị không cho anh Giáp về chung sống cùng mẹ con chị nữa.

Sau đó, anh G trở về sinh sống cùng anh em họ hàng nhà anh G ở xã P, huyện Lục Nam. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau từ những năm 1989 thì vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G thường xuyên rượu chè, không quan tâm chăm sóc gì đến vợ con, cũng không chịu làm ăn gì. Bản thân chị cùng gia đình đã khuyên bảo anh G nhiều nhưng anh G không thay đổi. Sau đó từ những năm 1995 là anh G bỏ đi biệt tích khỏi địa phương, chị và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không thấy. Hiện nay anh G đã trở về nhưng vợ chồng vẫn không hoà hợp về tính tính, không tìm được tiếng nói chung, hơn nữa vợ chồng đã nhiều năm không chung sống cùng nhau nên không còn tình cảm gì.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành và đã có gia đình riêng vì vậy chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị O không có yêu cầu nào khác.

*\* Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn G trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và cô O kết hôn từ năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là thị trấn P), huyện Lục Nam. Sau khi kết hôn cô O về chung sống cùng anh ở P, huyện Lục Nam. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và có 2 con chung. Đến năm 1995, anh và cô O về sinh sống tại thôn V, xã Q, huyện Yên Dũng. Sau đó anh và cô O cùng đi vào Miền Nam làm ăn, đến khoảng năm 2008 cô O đã về Bắc để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động. Từ đó đến nay anh và cô O sống ly thân, không bên nào quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, anh và cô O cũng không liên lạc gì.

Thực tế anh và cô O sống ly thân đã hơn 10 năm nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và cô O không còn, cô O xin ly hôn với anh, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và cô O ly hôn.

- Về con chung: Anh và cô O có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành và đã có gia đình riêng vì vậy anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh G không có yêu cầu nào khác.

- Ngày 02/8/2022, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G xin vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị O và anh G đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Hoàng Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

*Về án phí:* Chị Hoàng Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn là chị Hoàng Thị O đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn G đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn

cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Hoàng Thị O và anh Nguyễn Văn G đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, anh Nguyễn Văn G đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng giải quyết ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Hoàng Thị O có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] *Về nội dung:*

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị O và anh Nguyễn Văn G có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã P, huyện Lục Nam ngày 22 tháng 12 năm 1989. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh G là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, vợ chồng có thời gian dài hòa thuận hạnh phúc và có hai con chung. Mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng hơn 10 năm nay, nguyên nhân là do vợ chồng có thời gian dài sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm đến ai nữa, hai bên không có liên lạc gì với nhau. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ hơn 10 năm nay. Nay, chị O và anh G đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đều nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương: Ông Đào Văn P- TRưởng thôn V, xã Q cho biết: Chị O và anh G kết hôn với nhau từ những năm 1989 ở trên huyện Lục Nam, đến khoảng những năm 1995 thì chuyển về thôn V, xã Q sinh sống. Quá trình chung sống thì ông G đi Miền Nam làm ăn nhiều năm, vợ chồng sống xa nhau nhiều năm nên không còn tình cảm. Nay chị O xin ly hôn anh G, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai bên.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị O và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị O được ly hôn với anh G là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Chị O và anh G có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị O và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Chị Oanh và anh Giáp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009608 ngày 11/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị Hoàng Thị O đã nộp đủ án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND TT P, huyện Lục Nam;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Oanh**